TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN UH– TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:77/2021/QĐST-DS	

UH, ngày28tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* ÔngNguyễn V Thiện.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Huy Sáu, Bà Nguyễn Thị Vân.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số242/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2020 về: *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận toàn bộ được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* ***Nguyên đơn*****:** Anh **Nguyễn Đồng V,** sinh năm 1981.Nơi ĐKHKTT: thôn C, xã MĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

*** *Bịđơn*:** Chị **Lê Thanh T**, sinh năm 1991.Nguyên quán: thôn TL, xã KĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.Nơi ĐKHKTT: thôn C, xã MĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***: Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1973 cùng vợ là bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1974; Đều có nơi ĐKHKTT: thôn C, xã MĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(bà G ủy quyền cho ông B tham gia tố tụng tại Tòa, xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án; anh V, chị T và ông B đều có mặt tại phiên tòa).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Anh V xin rút 01 phần yêu C khởi kiện liên quan đến khoản nợ với ông B số tiền 500.000.000 đồng và 03 cây vàng SJC - Anh V xin tự giải quyết khoản

nợ này với ông B; Anh V, chị T và ông B đều không yêu C Tòaán giải quyết.

2.2Về hôn nhân: anh Nguyễn Đồng V và chị Lê Thanh T thuận tình ly hôn.

2.3Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung là Nguyễn Lê Cẩm T1 - sinh ngày 27/11/2012 và Nguyễn Nguyên K1 - sinh ngày 09/6/2014. Sau ly hôn, giao cả hai con chung Nguyễn Lê Cẩm T1 và Nguyễn Nguyên K1 cho chị Lê Thanh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh V cho đến khi có yêu C hoặc có thay đổi khác.

"Sau ly hôn anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó".

2.4Về tài sản chung: Xác định toàn bộ diện tích thửa đất số 142, tờ bản đồ số 28, diện tích 73m2 tọa lạc ở thôn C, xã MĐ, huyện UH, theo GCNQSD đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số seri BR 954125, vào sổ cấp GCN: CH06071 do UBND huyện UHcấp cho anh Nguyễn Đồng V ngày 04/12/2013 là tài sản riêng của anh Nguyễn Đồng V.

Xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh V và chị T có tạo dựng được tài sản chung là: 01 ngôi nhà cấp 4, 02 tầng 01 tum, khung cột, trần tầng 1 và tầng 2 bê tông cốt thếp, xây dựng toàn bộ tường 20, tầng tum có 02 tum: 01 tum về phía Bắc lợp ngói sông C, 01 tum về phía Nam thửa đất thẳng lối C thang lên là lợp tôn, nhà vệ sinh khép kín, nền lát gạch hoa 50x50; cửa chính ra vào tầng 1 là cửa xếp bằng sắt, toàn bộ ngôi nhà chưa được sơn hay quét vôi. Ngôi nhà có giá trị: 960.136.800đồng *(Chín trăm sáu mươi triệu một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng).*

Sau ly hôn, anh Nguyễn Đồng V được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất số 142, tờ bản đồ số 28, diện tích 73m2 tọa lạc ở thôn C, xã MĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội, theo GCNQSD đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số seri BR 954125, vào sổ cấp GCN: CH06071 do UBND huyện UHcấp cho anh Nguyễn Đồng V ngày 04/12/2013 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4, 02 tầng 01 tum, khung cột, trần tầng 1 và tầng 2 bê tông cốt thếp, xây dựng toàn bộ tường 20, tầng tum có 02 tum: 01 tum về phía Bắc lợp ngói sông C, 01 tum về phía Nam thửa đất thẳng lối C thang lên là lợp tôn, nhà

vệ sinh khép kín, nền lát gạch hoa 50x50; cửa chính ra vào tầng 1 là cửa xếp bằng sắt, toàn bộ ngôi nhà chưa ss]ơcj sơn hay quét sơn.

* Chậm nhất đến hết ngày 28/7/2021, anh V có trách nhiệm thanh toán trả cho chị T số tiền 480.000.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi triệu đồng).*

Trường hợp anh V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên (vi phạm số tiền trả và thời gian trả) thì anh V phải chịu lãi trên số tiền chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả trên số tiền gốc 480.000.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi triệu đồng).*

Sau khi nhận đủ tiền trên, chị T có nghĩa vụ thu dọn toàn bộ đồ đạc cá nhân, chuyển khỏi ngôi nhà và bàn giao lại chìa khóa nhà cùng tài sản khác gắn liền với ngôi nhà cho anh Nguyễn Đồng V.

2.5 Về nợ chung: anh V và chị T không có khoản nợ chung nào khác.

3. Về án phí:

* Án phí ly hôn sơ thẩm:Anh Nguyễn Đồng V phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009823 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH.

* Án phí chia tài sản chung:Anh V phải nộp tiền án phí là: {(960.136.800đ - 480.000.000đ - 400.000.000đ) x 4%/100% + 20.000.000đ} = 23.205.000đồng *(Hai mươi ba triệu hai trăm ninh năm nghìn đồng chẵn).*

Chị T phải nộp tiền án phí chia tài sản chung là: (480.000.000đ - 400.000.000đ) x 4%/100% + 20.000.000đ = 23.200.000đồng *(Hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).*

Anh V và chị T đều có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn và xin giảm án phí; Giảm cho anh V và chị T mỗi người 50% án phí. Số tiền án phí chia tài sản chung anh V còn phải nộp là 11.602.500đồng *(Mười một triệu sáu trăm linh hai nghìn năm trăm đồng)*; Số tiền án phí chia tài sản chung chị T còn phải nộp là 11.600.000đồng *(Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).*

***** Về Chi phí tố tụng khác: anh V tự nguyện nộp và không có yêu C gì khác.

4.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5.Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu C thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- Tòa án ND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THA DS huyện UH
- Cơ quan thực hiện ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn V Thiện